

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2023/DS-PT

Ngày: 20/9/2023

*V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở
quyền sử dụng đất và hủy quyết định
cá biệt”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Hợp

Các Thẩm phán: ông Lê Tự

 ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 153/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3173/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ái V, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1942; Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Ông V có mặt, bà X vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1962 và bà Trần Thị H, sinh năm 1963; Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Ông Đ có mặt, bà H vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ UBND huyện Q, tỉnh Quảng Nam;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Hoàng Kim H1 - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Châu Thị T, sinh năm 1976;

+ Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 2002;

+ Cháu Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 2008;

Cùng địa chỉ: số A đường T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Bà C, chị S, cháu H2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Ái N, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Nguyễn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Ái V và bà Nguyễn Thị X thống nhất trình bày:

Vợ chồng tôi quản lý sử dụng lâu dài, không tranh chấp thửa đất số 386, tờ bản đồ số 3 tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam từ năm 1975 đến nay nhưng vẫn chưa được Nhà nước xét cấp Giấy CNQSD đất. Cùng sử dụng đất liền kề là hộ ông Nguyễn Văn S1 (nay đã chết) sử dụng đất số 461, tờ bản đồ số 3 (hướng tiếp giáp mặt đường ĐT 611) nhưng lại được Nhà nước cấp Giấy CNQSD đất với diện tích 785m², loại đất ở và vườn chông lấn lên một phần đất của gia đình tôi quản lý sử dụng ổn định lâu dài, có ranh giới rõ ràng từ năm 1975 đến nay ở phía sau với diện tích khoảng 450m². Phần diện tích chông lấn, vợ chồng tôi đã trồng cây lâu năm (dừa hiện nay còn 04 cây) đến nay đã hơn 46 năm. Các loại cây lâu năm khác như: sầu đông (02 cây), gáo (05 cây), ngái (01 cây), ô ma (01 cây), chuối (20 bụi), thị (bị bão ngã còn gốc) và các công trình phụ trên đất như: chuồng trâu, chuồng heo đã xây dựng từ hơn 30 năm qua. Đến năm 2016, vợ chồng tôi có đơn đề nghị UBND xã Q lập hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất số 386, tờ bản đồ số 3 nêu trên thì phát hiện sự việc trên nên đã có khiếu nại, tranh chấp. Qua hòa giải, giải quyết tranh chấp tại UBND xã Q ngày 02/3/2017, bà Trần Thị H (vợ ông Đ) cho rằng: qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất thì diện tích đất của gia đình bà H có bị thu hẹp nên gia đình bà H không thống nhất để ký tứ cận cho gia đình tôi. Ngày 15/3/2017, UBND xã Q tiến hành lập biên bản tại thực địa về việc thống nhất ranh giới 02 thửa đất tranh chấp giữa hộ gia đình tôi và hộ ông Nguyễn

Đ nhưng các bên không thống nhất, ông Đ không thống nhất mốc thực tế mà yêu cầu theo bản đồ.

Tại Văn bản trả lời kiến nghị số 76/CV-TNMT ngày 22/8/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Q và Công văn số 476/UBND-NC ngày 14/5/2020 của UBND huyện Q đã khẳng định:

+ Thửa đất 461, tờ bản đồ số 3, diện tích 785m², loại đất: Đất ở và đất vườn, địa chỉ thửa đất tại thôn P, xã Q, huyện Q đã được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn S1. Tuy nhiên, theo hiện trạng, thửa đất số 461 được chia làm 02 phần:

+ Phần diện tích giáp đường DT 611 do ông Nguyễn Văn S1 (đã chết) quản lý. Hiện nay, phần diện tích đất này đã được tách thành 03 phần (02 phần là đất trồng, 01 phần có công trình nhà trên đất) và đã chuyển quyền cho các ông Nguyễn Đ, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ái N sử dụng nhưng chưa lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất.

+ Một phần diện tích thửa đất nằm phía sau do ông Nguyễn Ái V sử dụng để trồng cây lâu năm (dừa). Theo kết quả họp Hội đồng xét cấp đất ở xã Q vào ngày 24/12/2018 thì ông Nguyễn Ái V sử dụng một phần diện tích này để trồng dừa từ sau năm 1975 đến nay. Như vậy, UBND huyện Q cấp Giấy CNQSD đất tại thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03, diện tích 785m² là không đúng theo hiện trạng sử dụng đất.

Do đó, nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Công nhận diện tích khoảng 450m² đất, thuộc thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03, đã được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn S1 thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Ái V.

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị H chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với một phần thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03, diện tích khoảng 450m² đất.

- Hủy một phần Giấy CNQSD đất vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 1005, do UBND huyện Q cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S1 đối với phần diện tích 450m² đất thuộc thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03, tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Sau khi nhận được trích đo địa chính thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/7/2021, ông Nguyễn Ái V xác định diện tích đất tranh chấp với bị đơn ông Nguyễn Đ là 262,8m². Gắn liền với diện tích đất 262,8m² gồm: 04 cây dừa, 05 cây gạo, 01 cây liêm chiêm, 04 cây huỳnh đàn, 18 cây chuối, 03 cây sầu đông, chuồng bò, chuồng heo, nền gạch men và nền bê tông. Toàn bộ tài sản hiện có trên diện tích 262,8m² đất tranh chấp là của vợ chồng ông.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đ trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03, diện tích 785m² tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, là đất của ông nội tôi là ông Nguyễn T2 (cũng là cha của nguyên đơn ông Nguyễn Ái V). Năm 1960, ông nội tôi cưới vợ cho cha tôi là ông Nguyễn N1 và làm nhà trên thửa đất đó cho cha mẹ tôi ở riêng. Sau đó cha tôi tham gia cách mạng đến năm 1967 thì hy sinh. Mẹ tôi vẫn ở trên thửa đất đó đến năm 1985 thì mẹ tôi bị bệnh chết. Sau đó, để lại cho mấy anh em chúng tôi. Đến năm 1989 tôi cưới vợ và ở tại nhà này. Đến năm 1994 tôi để lại cho em tôi là ông Nguyễn Văn S1. Đến năm 1997, em tôi đi làm và giao lại cho tôi. Đến năm 2007, ba anh em chúng tôi thống nhất chia lô đất đó thành 03 phần. Khi mẹ tôi còn sống và sau đó giao lại cho anh em chúng tôi vẫn đóng thuế nhà đất đầy đủ. Ông V đã lấn chiếm đất của chúng tôi, chúng tôi đã nhiều lần yêu cầu trả lại nhưng không được. Gia đình chúng tôi sử dụng thửa đất từ năm 1960 đến nay, trong khi năm 1975 ông V mới về ở. Khi ông bà nội tôi còn sống cũng không hề nói hoặc có giấy gì để lại toàn bộ thửa đất cho ông V. Do đó, tôi không thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ái N trình bày:

Ba mẹ tôi là ông Nguyễn Ái V có mua đất của ông Nguyễn Văn S1 (chồng bà Châu Thị T) và cho vợ chồng tôi để vợ chồng tôi làm nhà kiên cố vào năm 2013 tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Trước khi làm nhà thì diện tích đất ba tôi mua của ông Nguyễn Văn S1 là đất trống. Diện tích ba mẹ tôi mua đúng như diện tích theo trích đo địa chính thửa đất ghi ngày 05/7/2021 kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án là 131,4m². Do đó, tôi thống nhất ý kiến với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Công văn số 414/UBND-NC ngày 07/5/2021 (BL 52, 53) Chủ tịch UBND huyện Q trình bày:

Đối với yêu cầu hủy một phần Giấy CNQSD đất mà UBND huyện Q đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S1 (đã chết) đối với thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03, diện tích 785m² tại thôn P, xã Q, UBND huyện Q có ý kiến như sau:

- Thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03, diện tích 785m², loại đất: đất ở và đất vườn, tại thôn P, xã Q, huyện Q đã được UBND huyện cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn S1 (tại sổ vào sổ cấp Giấy CNQSD đất số: 1005).

- Tuy nhiên, theo hiện trạng, thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03 được chia làm 02 phần:

- + Phần diện tích đất giáp đường ĐT611 là do ông Nguyễn Văn S1 (đã chết) sử dụng. Hiện nay, phần diện tích đất này đã được tách làm 03 phần (02 phần là đất trống, 01 phần có công trình nhà trên đất) và đã chuyển quyền cho các ông Nguyễn Đ, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ái N sử dụng nhưng chưa lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất.

+ Phần diện tích thửa đất nằm phía sau do ông Nguyễn Ái V sử dụng để trồng cây lâu năm (dừa). Theo kết quả họp Hội đồng xét cấp đất ở xã Q vào ngày 24/12/2018 thì ông Nguyễn Ái V sử dụng một phần diện tích này để trồng dừa từ sau năm 1975 đến nay. Như vậy, UBND huyện Q đã cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn S1 tại thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03, diện tích 786m² là chưa đúng theo hiện trạng sử dụng đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39 khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính; Các Điều 11, 15, 115, 163 và 168 của Bộ luật dân sự; Các Điều 3, 21 Luật đất đai năm 1993, được sửa đổi bổ sung năm 1998; khoản 7, 9 Điều 3, khoản 1, 2, 3 Điều 26, các Điều 53, 99, 100 và 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ái V về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt” với bị đơn ông Nguyễn Đ.

Công nhận diện tích đất 262,8m², thuộc thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03, đã được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn S1 thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Ái V (có sơ đồ kèm theo bản án).

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị H chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với diện tích 262,8m², thuộc thửa đất số 461 tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Hủy một phần Giấy CNQSD đất do UBND huyện Q cấp thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03, có diện tích 785m² cho hộ ông Nguyễn Văn S1 (tạ số vào sổ cấp Giấy CNQSD đất số: 1005) đối với phần diện tích 262,8m² đất (có sơ đồ kèm theo bản án).

Đình chỉ giải quyết đối với diện tích 187,2m² đất do nguyên đơn không yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, về việc thi hành án và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 12/6/2023 bị đơn ông Nguyễn Đ kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm đề nghị bác yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đại diện nguyên đơn đề nghị bác toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn; các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự trong vụ án đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, phần diện tích đất nêu trên thực tế gia đình ông V sử dụng ổn định vào việc sản xuất nông nghiệp; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn quy định và đúng thủ tục tố tụng nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo Trích đo địa chính thửa đất do Chi nhánh Văn phòng Đ đo vẽ ngày 05/7/2021 (BL 78) và Công văn số 414/UBND-NC ngày 07/5/2021 (BL 52, 53) của UBND huyện Q và được các đương sự thừa nhận tại Biên bản hòa giải ngày 20/4/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm thì: Diện tích 262,8m² đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03, có diện tích 785m² tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn S1 (tại sổ vào sổ cấp Giấy CNQSD đất số: 1005).

[2.2] Tại Công văn số 414/UBND-NC ngày 07/5/2021 (BL 52, 53) của UBND huyện Q đã cung cấp: Phần diện tích 262,8m² đất tranh chấp ông Nguyễn Ái V sử dụng trồng cây lâu năm (dừa) từ sau năm 1975 đến nay. Hiện nay trên diện tích 262,8m² đất tranh chấp chỉ có tài sản của ông Nguyễn Ái V. Vợ chồng ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị H từ trước tới nay không sử dụng diện tích 262,8m² đất tranh chấp và cũng không có tài sản trên 262,8m² đất tranh chấp và khẳng định: UBND huyện Q đã cấp Giấy CNQSD đất thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03, có diện tích 785m² tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Nguyễn Văn S1 là chưa đúng hiện trạng sử dụng đất.

[2.3] Như vậy, việc UBND huyện Q cấp Giấy CNQSD đất thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03, có diện tích 785m² tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Nguyễn Văn S1 khi các cơ quan chức năng không khảo sát, thẩm tra thực trạng tình hình sử dụng đất của các hộ gia đình cá nhân có liên quan đối với phần

diện tích 262,8m² đất; không giải quyết các tài sản thuộc sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn Ái V có trên diện tích 262,8m² đất và không tiến hành kiểm tra, xác minh ai là người khai hoang hoặc đang sử dụng diện tích là 262,8m² đất nêu trên là không đúng quy định tại Điều 21 của Luật đất đai năm 1993: “Việc quyết định giao đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó”. Đối với hộ ông S1 không có tài liệu chứng cứ thể hiện sau khi được cấp Giấy CNQSD đất thửa đất số 461 thì gia đình ông S1 có sử dụng, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S1 đều xác định không liên quan đến diện tích đất tranh chấp và từ chối tham gia tố tụng.

Do vậy việc UBND huyện Q cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03, diện tích 785m² cho hộ ông Nguyễn Văn S1 là không đúng pháp luật như xác nhận của UBND huyện Q.

Phía bị đơn cho rằng diện tích đất tranh chấp là do ông nội để lại cho ông và ông sử dụng từ đó đến nay nhưng không có giấy tờ tài liệu gì chứng minh cụ thể. Bản thân gia đình ông Đ cũng không được cấp Giấy CNQSD đất mà đất được cấp cho người khác, ông cũng không sử dụng thường xuyên liên tục, ổn định đất trên thực tế nên không có cơ sở công nhận diện tích đất này cho bị đơn.

[3] Trên phần diện tích 262,8m² đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Ái V; vợ chồng ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị H không có tài sản vật kiến trúc gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đối với diện tích 187,2m² đất ông Nguyễn Ái V không yêu cầu giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với diện tích 187,2m² đất là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ các nhận định trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Ông Nguyễn Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đ không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các điều 26, 34, 37, 39, khoản 1 điều 157, khoản 1 điều 165 và khoản 2 điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 điều 32 của luật tố tụng hành chính; các điều 11, 15, 115, 163 và 168 của Bộ luật dân sự; các điều 3, 21 Luật đất đai năm 1993 được sửa đổi, bổ sung năm 1998; khoản 7, 9 Điều 3, khoản 1, 2, 3 Điều 26, các Điều 53, 99, 100 và 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ái V về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt” với bị đơn ông Nguyễn Đ.

Công nhận diện tích đất 262,8m² thuộc thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03 đã được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn S1 thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Ái V (có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị H chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với diện tích 262,8m² thuộc thửa đất số 461 tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Hủy một phần Giấy CNQSD đất do UBND huyện Q cấp đối với thửa đất số 461, tờ bản đồ số 03, diện tích 785m² cho hộ ông Nguyễn Văn S1 (tại số vào sổ cấp Giấy CNQSD đất số: 1005) đối với phần diện tích 262,8m² đất (có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

Đình chỉ giải quyết đối với diện tích 187,2m² đất do nguyên đơn không yêu cầu.

2. Về án phí: ông Nguyễn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ 300.000 đồng ông Nguyễn Đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000452 ngày 12/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp